

BÀI GIẢNG 05

BÁO CÁO NGÂN LƯU

Phân tích tài chính
MPP23, FSPPM
Học kỳ Xuân, 2022

Nội dung

- ❑ Mục đích của Báo cáo ngân lưu
- ❑ Cấu trúc và các hạng mục của Báo cáo ngân lưu
- ❑ Mẫu Báo cáo ngân lưu
- ❑ Phương pháp lập Báo cáo ngân lưu

Mục đích của Báo cáo ngân lưu

3

- Hạn chế của bảng cân đối kế toán
 - ▣ Trạng thái tiền mặt sv. Lưu chuyển tiền mặt
 - ▣ Tiền được sử dụng cho hoạt động gì? Bao nhiêu?
 - ▣ Tiền được tạo ra từ đâu? Bao nhiêu?
- Hạn chế của báo cáo thu nhập?
 - ▣ Kế toán thực tế phát sinh sv. Kế toán tiền mặt
 - ▣ Tại sao có lợi nhuận mà không có tiền?
 - ▣ Tại sao có tiền mà không có lợi nhuận?

Mục đích của Báo cáo ngân lưu

4

- Lý giải sự thay đổi trong tồn quỹ tiền mặt (giữa số cuối kỳ và đầu kỳ);
 - Giải thích nguồn tiền mặt đã **được tạo ra** bằng cách nào và đã **được chi tiêu** như thế nào trong kỳ kinh doanh đã qua;
 - Tính toán và báo cáo **ngân lưu ròng cho mỗi hoạt động**: kinh doanh, đầu tư, và tài chính;
 - Chỉ ra mối quan hệ giữa **Lợi nhuận ròng** và **Ngân lưu ròng**;
 - Đánh giá khả năng **trả nợ đúng hạn**;
 - Những thông tin này sẽ rất hữu ích cho các những người ra quyết định (nhà quản trị, nhà cho vay, các cổ đông, các nhà đầu tư, v.v...) trong việc phân tích, **dự đoán dòng tiền trong tương lai**.
- Trong một thời kỳ nhất định

DÒNG TIỀN RÒNG

=

DÒNG TIỀN VÀO

–

DÒNG TIỀN RA

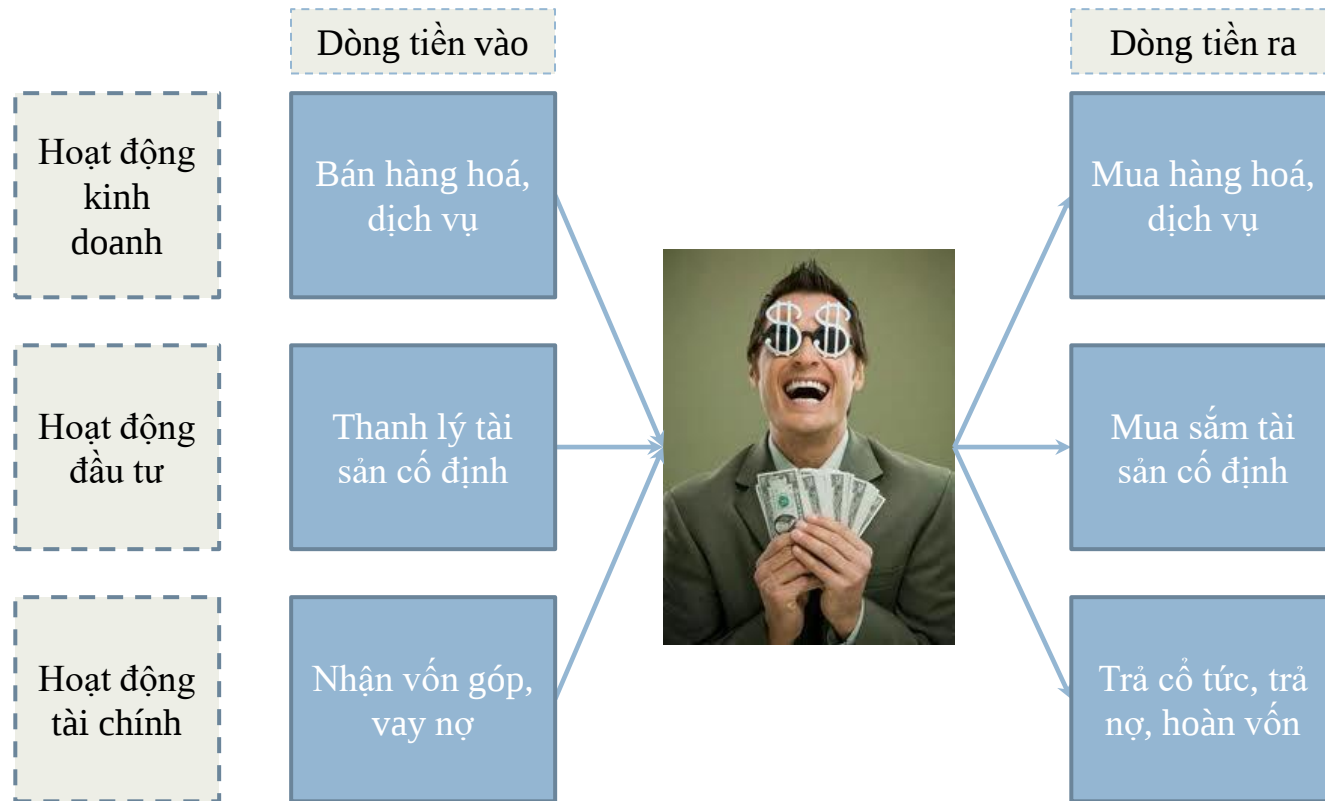
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

5

Chỉ tiêu	20X0	20X1
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh - Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ - Tiền chi trả mua hàng, dịch vụ, quản lý...		
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư - Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định - Tiền chi đầu tư chứng khoán, chi hùn vốn, liên doanh, chi đầu tư bất động sản - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bán thu hồi vốn đầu tư ...		
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp - Tiền thu từ đi vay - Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phần, trả cổ tức - Tiền chi trả nợ gốc		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		

Lưu chuyển tiền tệ

6



Báo cáo ngân lưu cho biết điều gì?

7

Ngân lưu từ	Công ty A	Công ty B	Công ty C	Công ty D
Hoạt động kinh doanh	-15	35	75	40
Hoạt động đầu tư	-75	-60	-40	-10
Hoạt động tài chính	90	25	-35	-30
Ngân lưu ròng	0	0	0	0

- Doanh nghiệp đang ở giai đoạn phát triển nào

Cấu trúc của báo cáo ngân lưu

(Phương pháp trực tiếp, trích QĐ15/2006/QĐ-BTC)

8	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		
	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		
	4. Tiền chi trả lãi vay	04		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		

Cấu trúc của báo cáo ngân lưu

(Phương pháp gián tiếp, trích QĐ15/2006/QĐ-BTC)

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
9	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế	01		
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ	02		
	- Các khoản dự phòng	03		
	- Chi phí lãi vay	06		
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$)	50		
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50 + 60 + 61$)	70		

Lập báo cáo ngân lưu

10

- Phương pháp trực tiếp
 - ▣ Nguyên tắc: ngân lưu ròng = ngân lưu vào - ngân lưu ra
- Phương pháp gián tiếp
 - ▣ Nguyên tắc: điều chỉnh từ lợi nhuận ròng bởi các khoản không thực thu, thực chi bằng tiền mặt...
- **Lưu ý**: Hai phương pháp chỉ khác nhau khi xác định ngân lưu từ hoạt động kinh doanh. Ngân lưu từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính luôn sử dụng phương pháp trực tiếp.

Phương pháp trực tiếp

11

- Ngân lưu vào, gồm:
 - ▣ Thực thu từ doanh thu bán hàng
 - ▣ Thu từ ứng trước của khách hàng
 - ▣ Thực thu từ các khoản phải thu
 - ▣ Thực thu khác từ hoạt động kinh doanh
- Ngân lưu ra, gồm:
 - ▣ Thực chi mua hàng, mua dịch vụ
 - ▣ Thực chi cho chi phí kinh doanh
 - ▣ Thực chi trả lãi vay, trả thuế, các khoản chi trả trước
 - ▣ Thực chi khác từ hoạt động kinh doanh

Phương pháp gián tiếp

- Đi tìm **ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh**
- Bắt đầu từ **lợi nhuận ròng** – dòng cuối cùng trên báo cáo thu nhập (bottom line);
- *Điều chỉnh:*
 - Các khoản thu chi không bằng tiền mặt (khấu hao, dự phòng,...);
 - Các khoản lãi lỗ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính (vì không phải là hoạt động kinh doanh nhưng ảnh hưởng đến lợi nhuận ròng);
 - Các thay đổi trong vốn lưu động (tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn);

Điều chỉnh từ **kế toán thực tế phát sinh** (accrual accounting) trở về **kế toán tiền mặt** (cash accounting).

Phương pháp gián tiếp (tiếp)

Báo cáo thu nhập	(so sánh)	Báo cáo ngân lưu
Doanh thu	<i>khác với</i>	Ngân lưu vào (dòng thu)
(-) Chi phí	<i>khác với</i>	(-) Ngân lưu ra (dòng chi)
(=) Lợi nhuận ròng	<i>khác với</i>	(=) Ngân lưu ròng

- Báo cáo thu nhập được lập theo phương pháp kế toán thực tế phát sinh (accrual), doanh thu thể hiện hàng hóa dịch vụ đã chuyển giao cho khách hàng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa;
- Chi phí thể hiện phù hợp với doanh thu trong kỳ (matching concept) để xác định lợi nhuận (hiệu quả hoạt động), không hẳn là thực chi tiền mặt;
- Do vậy, từ **lợi nhuận ròng** sẽ được điều chỉnh các khoản không phải tiền mặt để tìm **ngân lưu ròng**;
- Nếu tất cả các giao dịch đều bằng tiền mặt và không có các khoản chi phí phân bổ (ví dụ như khấu hao) thì Lợi nhuận ròng = Ngân lưu ròng.

Nhận xét về 2 phương pháp lập báo cáo ngân lưu

14

- *Phương pháp trực tiếp:*
 - ▣ Cung cấp thông tin chi tiết hơn về dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh
 - ▣ Thường được áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ
- *Phương pháp gián tiếp:*
 - ▣ Cho thấy “chất lượng” của lợi nhuận, chỉ ra các nhân tố tác động đến ngân lưu từ hoạt động kinh doanh một cách rõ ràng
 - ▣ Thường được áp dụng đối với các doanh nghiệp lớn
- Chỉ phân biệt đối với ngân lưu từ hoạt động kinh doanh
- Tiền tồn quỹ không phụ thuộc vào phương pháp lập báo cáo ngân lưu hay chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng

Tóm tắt quan hệ giữa 3 báo cáo tài chính căn bản

- **Giữa báo cáo ngân lưu và báo cáo thu nhập:**

Với phương pháp gián tiếp, dòng đầu tiên trên báo cáo ngân lưu được lấy từ dòng cuối cùng trên báo cáo thu nhập: *Lợi nhuận ròng*.

- **Giữa báo cáo ngân lưu và bảng cân đối kế toán:**

- ✓ Với phương pháp gián tiếp, các điều chỉnh thay đổi trong vốn lưu động được lấy từ chênh lệch **cuối kỳ - đầu kỳ** trên bảng cân đối kế toán.
- ✓ Với phương pháp trực tiếp, để tính dòng tiền thực thu, thực chi, sử dụng dữ liệu sổ sách kế toán hoặc dựa vào các chênh lệch trên bảng cân đối kế toán.

- **Giữa bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập:**

Lợi nhuận ròng trên báo cáo thu nhập sau khi chia cổ tức phần còn lại là khoản tăng thêm trong *Lợi nhuận giữ lại* trên bảng cân đối kế toán.

Các giao dịch thông thường và ảnh hưởng đến ngân lưu của doanh nghiệp

16

□ Các giao dịch thuộc hoạt động kinh doanh:

□ Bán hàng hoá dịch vụ, thu tiền mặt	+
□ Bán chịu	0
□ Thu tiền lãi do đầu tư vào các đơn vị khác	+
□ Thu nợ khoản phải thu	+
□ Ghi nhận giá vốn hàng bán	0
□ Mua hàng nhập kho, trả tiền mặt	-
□ Mua chịu	0
□ Trả nợ khoản phải trả	-

Các giao dịch thông thường và ảnh hưởng đến ngân lưu của doanh nghiệp

17

□ Các giao dịch thuộc hoạt động kinh doanh:

□ Chi phí phát sinh phải trả		0
□ Trả chi phí phát sinh	-	
□ Thuế phát sinh phải trả		0
□ Trả thuế phát sinh	-	
□ <i>Lãi vay phát sinh phải trả</i>		<i>0</i>
□ <i>Trả lãi vay phát sinh</i>	-	
□ Trả trước chi phí (ví dụ bảo hiểm)	-	
□ Ghi giảm chi phí trả trước		0
□ Ghi chi phí khấu hao		0

Các giao dịch thông thường và ảnh hưởng đến ngân lưu của doanh nghiệp

18

□ Các giao dịch thuộc hoạt động đầu tư:

- | | |
|--------------------------------------|---|
| □ Mua tài sản cố định, trả tiền mặt | - |
| □ Mua chịu tài sản cố định | 0 |
| □ Bán thanh lý tài sản, thu tiền mặt | + |
| □ Bán chịu tài sản cố định | 0 |
| □ Mua chứng khoán đầu tư | - |
| □ Bán chứng khoán đầu tư | + |
| □ Cho vay | - |

Các giao dịch thông thường và ảnh hưởng đến ngân lưu của doanh nghiệp

19

□ Các giao dịch thuộc hoạt động tài chính:

- | | |
|--|---|
| □ Vay nợ (dài hạn và ngắn hạn) | + |
| □ Trả nợ (dài hạn và ngắn hạn) | - |
| □ Phát hành cổ phiếu (thường và ưu đãi) | + |
| □ Mua lại cổ phiếu | - |
| □ Trả nợ vay | - |
| □ Trả cổ tức | - |
| □ Chuyển nợ thành cổ phiếu | 0 |
| □ Chuyển phần nợ dài hạn thành nợ ngắn hạn | 0 |

Khấu hao có làm thay đổi ngân lưu?

20

Doanh thu (tiền mặt)	100	100	100	100
(-) Chi phí (tiền mặt)	60	60	60	60
(-) Khấu hao	0	30	40	50
(=) Lợi nhuận ròng	40	10	0	-10
Ngân lưu ròng (=Lợi nhuận ròng + Khấu hao)	40	40	40	40

- Khấu hao chỉ làm ảnh hưởng đến lợi nhuận ròng (trường hợp không có thuế thu nhập doanh nghiệp) nhưng không ảnh hưởng đến ngân lưu ròng?
- Trong trường hợp có thuế thu nhập doanh nghiệp, khấu hao sẽ tạo ra lá chắn thuế, từ đó gián tiếp tác động đến ngân lưu ròng?

Bảng cân đối kế toán Công ty A&Z

21

Đvt: Tỷ đồng

Tài sản	2010	2011	Nợ và vốn	2010	2011
Tiền mặt	1000	10	Vay ngân hàng	1250	650
Khoản phải thu	500	2290	Khoản phải trả	760	700
Hàng tồn kho	1100	2750	Cộng nợ ngắn hạn	2010	1350
Cộng tài sản ngắn hạn	2600	5050	Vốn chủ sở hữu	4000	5140
Tài sản cố định ròng(*)	4600	4250	Lợi nhuận giữ lại	1190	2810
Nguyên giá	5000	4850	Cộng VCSH	5190	7950
Khấu hao	-400	-600			
Tổng tài sản	7200	9300	Tổng nợ và vốn	7200	9300

(*) Trong năm 2011, Công ty có thanh lý một TSCĐ nguyên giá 150 tỷ, đã khấu hao 50 tỷ, bán được với giá 100 tỷ đồng.

Báo cáo thu nhập Công ty A&Z

Dvt: Tỷ đồng

22

Chỉ tiêu	2010	2011
Doanh thu	35000	37500
Giá vốn hàng bán	29000	30500
Lợi nhuận gộp	6000	7000
Chi phí kinh doanh	4000	4125
Chi phí khấu hao	250	250
EBIT	1750	2625
Lãi vay	190	265
Lợi nhuận trước thuế	1560	2360
Thuế TNDN (25%)	390	590
Lợi nhuận ròng	1170	1770

Báo cáo lợi nhuận giữ lại	2010	2011
Lợi nhuận giữ lại đầu kỳ	-	1190
Lợi nhuận ròng trong kỳ	-	1770
Chia cổ tức	-	150
Lợi nhuận giữ lại cuối kỳ	1190	2810

Báo cáo nguồn tiền và sử dụng tiền: tiền thân của báo cáo ngân lưu

23

Dvt: Tỷ đồng

NGUỒN TIỀN	2011
Giảm trong tài sản cố định	350
Tăng trong vốn chủ sở hữu	1140
Tăng trong lợi nhuận giữ lại	1620
Giảm trong tiền mặt tồn quỹ	990
Tổng cộng	4100
SỬ DỤNG TIỀN	
Tăng trong khoản phải thu	1790
Tăng trong hàng tồn kho	1650
Giảm trong nợ vay ngân hàng	600
Giảm trong khoản phải trả	60
Tổng cộng	4100

Lập báo cáo ngân lưu Công ty A&Z theo phương pháp trực tiếp

Đvt: Tỷ đồng

DÒNG TIỀN TỪ DOANH THU VÀ MUA HÀNG	2011
(1) Suy diễn dòng tiền thu từ doanh thu	
Doanh thu	37500
(-) Chênh lệch trong khoản phải thu	-1790
(=) Tiền thu từ doanh thu	35710
(2) Suy diễn dòng tiền chi mua hàng hoá	
Giá vốn hàng bán	30500
(+) Chênh lệch trong hàng tồn kho	1650
(=) Giá trị hàng mua trong kỳ	32150
(-) Chênh lệch trong khoản phải trả người bán	-60
(=) Tiền chi mua hàng hoá	32210
DÒNG TIỀN TỪ CHI PHÍ KINH DOANH	
(3) Suy diễn dòng tiền chi cho chi phí kinh doanh	
Chi phí kinh doanh	4125
(+) Chênh lệch trong chi phí ứng trước	0
(-) Chênh lệch trong chi phí phải trả	0
(=) Tiền chi cho chi phí kinh doanh	4125
(4) Suy diễn dòng tiền chi trả lãi vay	
Lãi vay phải trả	265
(-) Chênh lệch trong lãi vay phải trả	0
(=) Tiền chi trả lãi vay	265
(5) Suy diễn dòng tiền chi trả thuế	
Thuế phải trả	590
(-) Chênh lệch trong khoản thuế phải trả	0
(=) Tiền chi trả thuế	590

Lập báo cáo ngân lưu Công ty A&Z theo phương pháp trực tiếp (tt)

Đvt: Tỷ đồng

25

TỔNG HỢP	2011
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	
(1) Tiền thu từ doanh thu	35710
(2) Tiền chi mua hàng hoá	32210
(3) Tiền chi cho chi phí kinh doanh	4125
(4) Tiền chi trả lãi vay	265
(5) Tiền chi trả thuế	590
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	-1480

Lập báo cáo ngân lưu Công ty A&Z theo phương pháp gián tiếp

Đvt: Tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh	2011
Lợi nhuận ròng	1770
Điều chỉnh khấu hao	250
Điều chỉnh thay đổi trong vốn lưu động:	
Tăng/giảm trong các khoản phải thu	-1790
Tăng/giảm trong hàng tồn kho	-1650
Tăng/giảm trong các khoản phải trả	-60
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	-1480
Hoạt động đầu tư	
Thanh lý tài sản cố định	100
Ngân lưu ròng từ hoạt động đầu tư	100
Hoạt động tài chính	
Vay ngân hàng	-600
Vốn chủ sở hữu	1140
Chia cổ tức	-150
Ngân lưu ròng từ hoạt động tài chính	390
Tổng ngân lưu ròng	-990
Tồn quỹ đầu kỳ	1000
Tồn quỹ cuối kỳ	10